TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-10-2019
V/v tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

2. Ông Phạm Đức Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Trọng T**, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Xóm H, thôn M, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Xóm H, thôn M, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Anh T có mặt, chị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Trọng T trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Hà

Nam vào ngày 28/9/2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình nhà chị L ở thôn M, xã M, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xích mích với nhau, chị L chửi bới, xúc phạm anh. Gia đình đã góp ý, khuyên bảo, hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả. Đến năm 2018 mâu thuẫn của vợ chồng trở nên căng thẳng nên anh đã bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai, chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân của anh chị không có khả năng đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Trần Thị Bảo T, sinh ngày 29/3/2013 và Trần Quang A, sinh ngày 29/12/2015. Ly hôn anh nhất trí để chị L trực tiếp nuôi cả 02 con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị L 1.000.000 đồng/01 tháng/01 con kể từ tháng 11 năm 2019 đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Anh và chị L không nợ chung ai và không cho ai vay chung tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày***: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như anh T trình bày. Vợ chồng chung sống bình thường nhưng anh T thường xuyên đi làm ăn xa, không quan tâm gì đến chị và các con. Anh T lúc nào cũng có nhưng suy nghĩ không tốt về gia đình chị nhưng thực tế thì gia đình nhà chị đối xử với anh T rất bình thường. Từ tháng 11/2018 anh T cắt đứt mọi quan hệ không quan tâm gì đến chị và các con. Chị cũng không liên lạc được với anh T nên vợ chồng cắt đứt quan hệ từ tháng 11/2018 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn; anh T có đơn xin ly hôn thì chị tùy anh T muốn giải quyết như thế nào thì giải quyết, còn chị vì là người theo đạo Thiên chúa giáo nên chị không đồng ý thuận tình ly hôn với anh T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trần Thị Bảo T, sinh ngày 29/3/2013 và Trần Quang A, sinh ngày 29/12/2015. Ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con và việc cấp dưỡng nuôi con thì tùy thuộc vào anh T chứ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lý do chị xin nuôi con là vì từ nhỏ đến nay các con đều do chị nuôi dưỡng, chăm sóc, chị đảm bảo mọi điều kiện sinh hoạt, học tập của các cháu. Hiên nay chị lao động tự do tại địa phương thu nhập mỗi tháng từ 5 đến 6 triệu đồng/tháng. Anh T thường xuyên đi làm ăn xa không có chỗ ở ổn định, không có điều kiện chăm sóc con. Trong thời gian anh T đi làm ăn xa thì anh T gửi tiền về nuôi con cho chị rất ít, không đáng kể để nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh T không vay chung ai tài sản gì và không cho ai vay chung tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Thẩm phán thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội chấp nhận yêu cầu của anh T: Xử cho anh T được ly hôn chị L. Về quan hệ con chung: đề nghị Tòa án giao cả 02 con Trần Thị Bảo T và Trần Quang A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị L 1.000.000 đồng/01 tháng/01 con, kể từ tháng 11 năm 2019 đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, anh Trần Trọng T khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, xin nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chị Nguyễn Thị L cư trú tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Trọng T và chị Nguyễn Thị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 06 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xích mích với nhau. Đến năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ đó. Gia đình đã góp ý, khuyên bảo, hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả. Xét

thấy hôn nhân giữa anh T và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nếu có tiếp tục chung sống cũng không thể có hạnh phúc, vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn chị L.

[3.2] Về quan hệ con chung: Anh Trần Trọng T và chị Nguyễn Thị L có 02 con chung là Trần Thị Bảo Trâm, sinh ngày 29/3/2013 và Trần Quang Anh, sinh ngày 29/12/2015. Xét thấy cả anh T và chị L đều có nguyện vọng giao cả 02 con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, thực tế chị L có đủ điều kiện nuôi con, nên cần chấp nhận nguyện vọng của anh chị, giao cả hai con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận việc anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị L 1.000.000 đồng/01 tháng/01 con, kể từ tháng 11 năm 2019 đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Anh Trần Trọng T và chị Nguyễn Thị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Trọng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Trọng T được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

[2]. Về quan hệ con chung: Giao 02 con Trần Thị Bảo T và Trần Quang A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận việc anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Trần Thị Bảo T và Trần Quang A cho chị L 1.000.000 đồng/01 tháng/01 con, kể từ tháng 11 năm 2019 đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Anh Trần Trọng T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị L và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Trần Trọng T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003568 ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; anh T đã nộp đủ án ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Trọng T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/10/2019. Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Uỷ ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam; (Giấy chứng nhận kết hôn số: 67/2012 quyển số: 01/2012 ngày 28/9/2012);
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương